

QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Nguyễn Xuân Dũng*, Hà Thị Việt Châu**

Sau hơn 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong các mặt đời sống kinh tế- xã hội, nhưng tình trạng phát triển không đều về kinh tế đã tác động không nhỏ đến quá trình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Trên cơ sở đánh giá tổng quát thực trạng phát triển không đều về kinh tế tác động đến phát triển xã hội ở nước ta, và từ kinh nghiệm của một số quốc gia, bài viết đề xuất một số giải pháp hạn chế sự phát triển không đều về kinh tế trong quá trình hội nhập và phát triển bền vững ở Việt Nam.

Từ khóa: phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế

1. Đặt vấn đề

Với phương thức phát triển được xác định là thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế- xã hội, sự thống nhất giữa phát triển kinh tế một cách đồng đều với phát triển xã hội và theo đó là cách thức quản lý phát triển xã hội phù hợp là yêu cầu khách quan trong quá trình đổi mới của Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển xã hội ở nước ta không chỉ là một trong những chủ trương quan trọng, một trong những nguyên tắc chủ yếu trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, không chỉ thể hiện tính định hướng nhân văn trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn phản ánh nhu cầu phát triển xã hội theo mô hình tiến bộ, phù hợp với giai đoạn phát triển mới. Có thể nói tác động qua lại giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội là biện chứng khách quan trong quá trình phát triển và tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay. Tăng trưởng kinh tế một cách hài hòa là cơ sở kinh tế cho phát triển xã hội; phát triển xã hội lại là điều kiện xã hội và động lực cho sự phát triển kinh tế.

Tác động tích cực của tăng trưởng kinh tế là điều không thể phủ nhận, nó tạo điều kiện thuận lợi cho xã hội ngày càng ổn định và phát triển, nhưng trong

nhiều trường hợp, sự phát triển không đều về kinh tế, như là mặt trái của tấm huân chương, đã mang lại không ít hệ quả tiêu cực, đặt ra nhiều vấn đề cần sớm giải quyết nếu không muốn để từ đó phát sinh sự bất ổn và ảnh hưởng đến quá trình phát triển xã hội ở nước ta. Vấn đề đặt ra ở đây là phát triển kinh tế như thế nào để hướng vào việc tạo ra động lực đối với các vấn đề phát triển xã hội một cách hiệu quả.

2. Thực trạng tác động của phát triển kinh tế đến phát triển xã hội ở nước ta thời gian qua

Sau hơn 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các mặt của đời sống kinh tế- xã hội, từ một quốc gia nghèo nhất châu Á khi bắt đầu chuyển đổi nền kinh tế trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình ở mức thấp vào năm 2009. Thành tựu của phát triển kinh tế đã tạo điều kiện để có thể huy động các nguồn lực tăng đầu tư cho phát triển xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, do quan niệm tập trung cao độ cho phát triển kinh tế, không lường hết hậu quả của những kế hoạch chủ quan duy ý chí nên đã xuất hiện sự phát triển không đều về kinh tế. Tình trạng này đã ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực trong quá trình phát triển đất nước, tác động không nhỏ đến phát

triển xã hội ở nước ta, có thể nhìn nhận trên một số nội dung như sau:

Thứ nhất, tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cơ cấu vùng kinh tế được xác định là vấn đề trọng điểm trong cơ cấu của nền kinh tế, và có quan hệ trực tiếp đến mục tiêu phát triển cân đối trên địa bàn cả nước. Sự khác biệt về các điều kiện, nguồn lực của sự phát triển kinh tế- xã hội là một trong những nguyên nhân tạo ra sự chênh lệch về điều kiện, cơ hội phát triển giữa các vùng, dẫn đến tốc độ kinh tế tăng trưởng cao hơn các khu vực khác, ngược lại tốc độ tăng trưởng thấp hơn ở một số địa phương, nhất là vùng nông thôn, miền núi.

Tỷ lệ đầu tư GDP ở nước ta thời gian qua có xu hướng tăng, nhưng hiệu suất đầu tư được đo bằng hệ số gia tăng vốn đầu tư (tư bản)/đầu ra (Incremental Capital Output Ratio-ICOR) cũng tăng cao. Việc sử dụng vốn đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế thấp thể hiện rõ qua sự tăng nhanh của hệ số ICOR, trong khi tốc độ đổi mới công nghệ còn chậm, khiến cho khả năng di chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ càng khó khăn hơn. Hơn nữa, cơ cấu đầu tư có phần chệch hướng sang phía các ngành thâm dụng vốn hơn là những ngành thâm dụng lao động, nhất là đối với khu vực doanh nghiệp Nhà nước.

Có thể nói, sự dịch chuyển chậm của cơ cấu lao động - đến mức trở thành nghịch lý (đầu tư lớn, tăng trưởng cao nhưng ít tạo việc làm mới), hệ quả trực tiếp của chính sách ngành thiên lệch: ưu tiên phát triển những ngành dùng nhiều vốn thay vì dùng nhiều lao động. Trong chiến lược cơ cấu (trực chính là chiến lược đầu tư nhà nước), tư duy phát triển dựa trên lợi thế so sánh chưa chi phối quá trình hoạch định chính sách, trong đó lao động - một yếu tố then chốt, quyết định tiến trình cơ cấu còn bị xem nhẹ. Theo ước tính, 1/2 lực lượng lao động của Việt Nam hiện nay vẫn tham gia vào các hoạt động nông nghiệp năng suất thấp và việc làm phi chính thức chiếm khoảng 2/3 tổng số việc làm. Tỷ lệ lao động dễ bị tổn thương đã tăng từ 61% năm 2009 lên 67% năm 2012. Trong khi đó, bản thân sự trì trệ của chính cơ cấu kinh tế nông thôn- kết quả của sự phát triển không đều về kinh tế, cũng chưa tạo ra được một khu vực phi nông nghiệp đủ mạnh để có thể hấp thụ một phần lao động ngay trong khu vực này.

Trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội, với các mục đích khác nhau và do thiếu những tính toán

khoa học nên đã triển khai tràn lan nhiều dự án, thiếu trọng điểm, không hiệu quả, không sát nhu cầu thực tế. Quá trình chuyển dịch từ đất nông nghiệp sang mục đích công nghiệp hóa và tiến trình đô thị hóa một cách nhanh chóng là một ví dụ, dẫn đến tình trạng, kể từ năm 2001 đến nay, mỗi năm có khoảng 100 nghìn hecta đất nông nghiệp bị mất đi. Trong giai đoạn 2005-2010 việc chuyển dịch này đã ảnh hưởng đến khoảng 3 triệu người, buộc họ phải di dời hoặc bị đảo lộn cuộc sống. Chi tính riêng việc nhường đất cho xây dựng khu công nghiệp đã ảnh hưởng đến việc mất tư liệu sản xuất và mất việc làm nông nghiệp. Lấy đất nông nghiệp để xây mỗi khu công nghiệp (bình quân khoảng 237 héc-ta) làm khoảng 2.400 đến 3.000 người mất việc làm nông nghiệp (Nguyễn Bình Giang, 2012). Tình trạng này vừa không tạo ra được nhiều việc làm như mong đợi, một số dự án vừa chưa hoàn thành theo kế hoạch để đưa vào sử dụng, nếu có hoàn thành để đưa vào sử dụng thì hiệu quả lại rất kém. Trong khi chưa tính toán đầy đủ đến diện tích đất cho các yêu cầu khác, như: quỹ đất dành để xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, ký túc xá cho sinh viên, bệnh viện, trường học, trạm y tế, các thiết chế văn hóa, nhà ở cho người nghèo, nhà ở xã hội...

Việc sử dụng đất nông nghiệp vào các mục đích khác là nguyên nhân chính của 53% số người bị thu hồi đất có thu nhập giảm so với trước. Trung bình mỗi hộ dân bị thu hồi đất có 1,5 lao động rơi vào tình trạng không có việc làm, mỗi héc-ta đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi có tới 13 lao động mất việc làm, riêng Hà Nội là 20 lao động, phải tìm cách chuyển đổi nghề nghiệp. Sự mất mát lớn nhất, trong trường hợp này, đó là một phần lớn dân cư nông thôn, so với giai đoạn trước khi thu hồi đất, sản xuất kém hiệu quả, thu nhập ít hơn, nghèo hơn và mất khả năng tạo ra những sinh kế ổn định bền vững, trong khi một số cá nhân và nhóm khác lại được hưởng lợi. Như một hệ lụy tất yếu, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm tăng không chỉ ảnh hưởng đến thu nhập sức mua có khả năng thanh toán giảm, tác động đến tăng trưởng kinh tế, mà còn làm phát sinh và gia tăng tệ nạn xã hội. Đây là một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến tranh chấp đất đai, xói mòn nghiêm trọng đến sự ổn định xã hội, chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 2012, 90% trên tổng số 5.326 đơn thư khiếu nại mà các cơ quan công quyền nước ta nhận được có liên quan đến vấn đề đất đai.

Điều đáng lưu ý là, tình trạng đào tạo nghề cho lao động trẻ, theo chủ trương Nhà nước, thuộc các dự án cần thu hồi đất của dân, giúp họ nhanh chóng kiếm được việc làm mới ổn định cuộc sống nhưng diễn ra không khoa học, không cập nhật, thiếu tính chiến lược và kế hoạch cụ thể. Theo đó, người lao động bị thu hồi đất được đào tạo ra sẽ khó đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, tất yếu công việc mới không có tính ổn định cao. Tỷ lệ lao động mất đất được doanh nghiệp (nhận đất) đào tạo ở Hà Nội là 0,01%, Hà Tây: 0,02%; Hải Phòng: 0%; Bắc Ninh: 0%. Trong khi đó, lao động do Nhà nước đào tạo nghề cho nông dân vùng mất đất cũng không đáng kể: Hà Nội: 0,01%; Hải Phòng: 0%; Bắc Ninh: 1,2%; Hà Tây: 0%. Tỷ lệ lao động do gia đình tự đào tạo có cao hơn nhưng cũng còn xa so với yêu cầu tạo việc làm mới phi nông nghiệp: Hà Nội: 0,9%; Hải Phòng: 0,01%; Bắc Ninh: 0,3% và Hà Tây: 0,09% (Nguyễn Sinh Cúc, 2008).

Mặt khác, sự phát triển không đồng bộ của cơ sở hạ tầng cho giao thông vận tải, dịch vụ điện, nước, bưu chính- viễn thông, dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm... đã làm giảm hiệu quả của việc vận chuyển và lưu thông hàng hóa từ nơi sản xuất đến thị trường tiêu thụ, ảnh hưởng đến các lĩnh vực của nền kinh tế cũng như tác động đến phát triển xã hội. Kéo theo sự suy giảm của toàn bộ khối dịch vụ nói chung trong cơ cấu GDP, tác động trực tiếp đến khu vực kinh tế tư nhân, nhất là bán buôn, bán lẻ và các hình thức dịch vụ cá nhân khác- đây là lực lượng lao động không chỉ tự cải thiện cuộc sống của bản thân họ, mà còn góp phần quan trọng vào sự ổn định xã hội. Cơ sở hạ tầng yếu kém chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại phục vụ cho việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, thông tin và văn hóa giữa các vùng trong cả nước nên hiệu quả kinh tế về dài hạn không chỉ gặp nhiều hạn chế, mà còn tạo ra sự thiếu liên kết của một bộ phận dân cư đối với phần còn lại của xã hội, có thể dẫn đến sự cô lập về mặt xã hội và ảnh hưởng đến ổn định xã hội.

Thứ hai, tác động đến tài nguyên môi trường. Về lý thuyết, môi trường và sự phát triển có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Vì thế dưới tác động của phát triển kinh tế đã làm biến đổi môi trường tự nhiên. Đến lượt nó, sự biến đổi đó lại tác động xấu đến phát triển xã hội. Phát triển kinh tế hiện nay chủ yếu tập trung vào những công trình mang lại lợi ích trực tiếp, còn việc đầu tư nhằm tái tạo các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường chiếm một

tỷ lệ rất thấp.

Cần thấy rằng phát triển kinh tế luôn có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau và trong nhiều trường hợp là quan hệ mâu thuẫn, bất hợp lý, với nghĩa là hoạt động kinh tế càng hiệu quả, tác hại của nó đối với môi trường sinh thái càng lớn, nhất là với đặc trưng nặng về nông nghiệp và trình độ sản xuất thấp, phương thức sản xuất lạc hậu nên phần lớn hành vi kinh tế của cộng đồng chủ yếu là dựa vào môi trường tự nhiên. Phát triển thủy điện ở Tây Nguyên là một ví dụ về “thảm họa” môi trường. Theo số liệu thống kê của 5 tỉnh Tây Nguyên, toàn vùng có 163 công trình thủy điện làm ảnh hưởng đến 25.300 hộ dân, trong đó 5.650 hộ phải di dời. Các thủy điện này cũng chiếm dụng 425héc-ta đất ở, gần 23.00 héc-ta đất sản xuất, khoảng 17.000 héc-ta rừng tự nhiên... vì thế, không chỉ người dân mất đất bị nghèo, mà hàng nghìn hộ khác cũng nghèo dần (Bùi Tất Thắng, 2010).

Do theo đuổi lợi ích xuất khẩu, nhiều vùng đã phá rừng trồng cà phê, phá rừng ngập nước nuôi tôm, khai thác tài nguyên bừa bãi, chất thải của các khu công nghiệp, làng nghề, nạn cháy rừng, phá rừng... Kết quả là môi trường tự nhiên bị xuống cấp ở nhiều nơi gây ra lũ lụt, lũ quét ở miền núi và vùng rừng ngập mặn; biển lấn, mặn hóa, sạt lở bờ biển; mức độ xuống cấp của tài nguyên đất, ô nhiễm nguồn nước và bảo tồn nguồn nước kém hiệu quả quá mức tài nguyên sinh học, ô nhiễm môi trường có dấu hiệu gia tăng với tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng; lượng đi-ô-xít các-bon thải ra tính trên đầu người tăng gấp đôi trong thời gian qua, gây thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân... (Phạm Thị Ngọc Trâm, 2006). Hoạt động gây ô nhiễm đất trồng trọt và nguồn nước tưới tiêu, ô nhiễm các vùng nước vẫn dùng nuôi trồng thủy sản, dẫn đến sản lượng thu hoạch từ cây trồng và nuôi trồng, đánh bắt thủy sản có thể giảm đi, làm giảm thu nhập của người dân xung quanh khu công nghiệp là một ví dụ điển hình.

Thực trạng cạn kiệt tài nguyên, suy thoái môi trường nói trên- biểu hiện của sự phát triển không bền vững về mặt sinh thái đã tác động xấu đến việc nâng cao chất lượng sống của con người, nếu xét về chất lượng môi trường sống. Đây là hệ quả của sự phát triển kinh tế “nóng vội” không tính đến khả năng đáp ứng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không tính đến khả năng đồng hóa và sức chịu đựng

của môi trường, theo đó, đối tượng chịu ảnh hưởng đầu tiên và nặng nề nhất là con người. “Thực tế cho thấy, việc môi trường bị hủy hoại và đói nghèo dường như là cái vòng luẩn quẩn. Người dân thiếu ăn thì khai thác triệt để tài nguyên thiên nhiên, bao gồm cả tài nguyên rừng, tài nguyên đất và tài nguyên nước. Khi các nguồn tài nguyên này cạn kiệt do thiên tai bão lũ, hạn hán và do tác động của con người thì gánh chịu hậu quả trước hết chính là người dân nghèo” (Hà Huy Thành và Lê Cao Đoàn, 2011). Như vậy, sự tồn tại của bản thân con người đặt trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế- xã hội đang bị đe dọa bởi chính các hoạt động của con người trong quá trình phát triển không đều về kinh tế.

Thứ ba, tạo ra sự phân hóa giàu nghèo. Với việc xuất hiện những người làm giàu chính đáng được xã hội tôn vinh và khuyến khích, đã xuất hiện hiện tượng giàu lên nhanh chóng của một số người bằng các thủ đoạn bất chính hoặc do lợi dụng sơ hở của pháp luật, sự chưa hoàn thiện của cơ chế kinh tế mới... Ngược lại, trong xã hội đang tồn tại cuộc sống nghèo khổ của một số không nhỏ người lao động thất nghiệp do không có việc làm, do không có khả năng cạnh tranh hoặc do nhiều nguyên nhân khác nhau... dẫn đến khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn. Khảo sát mức sống hộ dân cư của Tổng cục Thống kê, trong năm 2010, thu nhập bình quân một người/tháng của nhóm hộ giàu nhất gấp 9,2 lần thu nhập của nhóm hộ nghèo nhất, tăng so với các năm trước. Trong khi thu nhập bình quân của người Việt Nam đạt 1,387 triệu đồng/người/tháng, thì nhóm nghèo nhất chỉ thu nhập 369.000 đồng/người/tháng, còn thu nhập trung bình của nhóm giàu nhất lên tới trên 3,4 triệu đồng. Khoảng cách này đang giãn ra ngày càng lớn.

Việt Nam được đánh giá là quốc gia đạt nhiều thành tựu trong công tác chống đói nghèo, và vẫn biết rằng sự phân hoá giàu nghèo trong phát triển kinh tế thị trường là điều không tránh khỏi. Nhưng trên thực tế, chênh lệch giàu nghèo phản ánh sự bất bình đẳng trong xã hội ngày càng tăng, theo số liệu của Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội, trong vòng 8 năm, khoảng cách 20% người nghèo nhất và 20% người giàu nhất đã tăng từ 4,2 lần lên 8,9 lần. Tình trạng gia tăng khoảng cách giàu nghèo tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện ở sự chênh lệch về thu nhập; tình trạng thất học, bỏ học của số đông con em các gia đình nghèo; việc trả tiền cho các dịch vụ cơ bản như: khám chữa bệnh, an

sinh, nhà ở... Nhóm người nghèo bị bệnh tật nhiều gấp hai lần nhóm người giàu. Con cái của nhóm nghèo được học nghề từ trung cấp trở lên, 11 lần ít hơn con cái của nhóm giàu... Người nghèo mất dần cơ hội được hưởng các phúc lợi xã hội như: y tế, giáo dục, hưởng thụ văn hóa. Họ suy giảm niềm tin vào công lý, công bằng. Tình trạng thất học làm cho chất lượng lao động không đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ảnh hưởng đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Ở góc độ nào đó, đây là nguyên nhân khoét sâu mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội và khi vượt quá giới hạn hợp lý của chúng sẽ có thể gây nên những bất ổn định, tiêu cực và xung đột xã hội. Điều này cũng đồng nghĩa với gia tăng sự bất bình đẳng trong xã hội.

Những tồn tại, hạn chế trên đây do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

Một là, nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển không đều về kinh tế và phát triển xã hội chưa được hiểu một cách đầy đủ và khoa học, vì vậy còn nhiều khiếm khuyết trong môi trường pháp lý, trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Chính sách phát triển kinh tế chưa gắn kết, lồng ghép toàn diện với chính sách phát triển xã hội. Các chính sách phát triển kinh tế- xã hội thiếu đồng bộ. Chưa có môi trường cạnh tranh bình đẳng và minh bạch.

Hai là, ở một số nơi trong chỉ đạo điều hành chỉ quan tâm đến các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, coi nhẹ các yêu cầu liên quan đến phát triển xã hội, có biểu hiện buông lỏng công tác quản lý nhà nước, thiếu kiên quyết trong việc xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ba là, các định chế pháp luật chưa thực sự được tuân thủ nghiêm ngặt nên dễ nảy sinh tiêu cực, tạo nên một nhóm nhỏ người có mức thu nhập cao quá mức thực tế, dẫn đến tình trạng phân tầng xã hội một cách mạnh mẽ. Vấn đề tác động xã hội của quá trình đô thị hoá và phát triển khu công nghiệp... chưa được quan tâm đúng mức, đánh giá đầy đủ để có chính sách và giải pháp phù hợp.

Bốn là,... “lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát

triển; giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005, tr.69).

3. Giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến phát triển xã hội ở nước ta

Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2011-2020 được Đại hội lần thứ XI của Đảng ta xác định đến năm 2020, nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không chỉ là nhiệm vụ phát triển kinh tế, mà còn là nhiệm vụ phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội một cách bền vững. Từ kinh nghiệm của một số quốc gia và thực trạng phát triển kinh tế của nước ta thời gian qua, cần tiến hành một hệ thống các giải pháp đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau về cơ chế, chính sách... nhằm giảm thiểu tới mức có thể những tác động tiêu cực của phát triển không đều về kinh tế đến phát triển xã hội, bao gồm:

Một là, kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước

Trước hết, tiếp tục đổi mới tư duy về phát triển, chuyển từ tư duy phát triển lấy tăng trưởng, phát triển kinh tế làm trọng tâm sang phát triển bền vững, trong quan hệ bắt kịp với tiến trình phát triển hiện đại trên thế giới phù hợp với tính đặc thù trong phát triển của đất nước. Tổ chức nghiên cứu lý luận một cách khoa học làm cơ sở cho mọi chủ trương, chính sách phát triển đất nước, trong đó phát triển kinh tế phải đặt trong mối tương quan với phát triển xã hội. Nhà nước không chỉ tập trung xây dựng môi trường pháp lý, đề ra những chính sách, chế tài cụ thể để điều tiết và hạn chế ảnh hưởng của quá trình phát triển không đều về kinh tế, mà còn cần nâng cao nhận thức cho người dân về mối quan hệ qua lại giữa phát triển không đều về kinh tế và phát triển xã hội... Mặt khác, đầu tư tạo tiền đề cho sự ra đời và kích thích sự phát triển đồng bộ của các loại thị trường.

Lấy hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội làm thước đo trong mỗi kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế- xã hội, sự can thiệp của Nhà nước chỉ có hiệu quả khi dựa trên thực lực của nền kinh tế và tạo động lực cho sự tăng trưởng kinh tế. Cần có quy hoạch, kế hoạch cụ thể, phù hợp để định hướng phát triển, phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn lực. Tạo

ra cơ hội, định hướng phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, gắn các vùng chậm phát triển vào quá trình phân công lao động xã hội, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, có chính sách điều tiết hợp lý để giảm dần sự mất cân đối về các điều kiện, cơ hội và trình độ phát triển giữa các thành phố, đô thị với các vùng, khu vực chậm phát triển. Đặc biệt, cần nhận thức và đánh giá đầy đủ về vấn đề minh bạch và công bằng trong quá trình chuyển dịch đất đai.

Cần có biện pháp tích cực, hiệu quả, đầu tư tập trung hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là đối với những vùng kinh tế chậm phát triển, kinh tế tự cấp tự túc còn phổ biến, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm tạo việc làm và tăng năng suất lao động về dài hạn, kết hợp giải quyết việc làm tại chỗ với việc phân bổ lại lao động, song song với vấn đề phát triển kinh tế, tạo nên công bằng xã hội trong quá trình phát triển. Xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi tạo điều kiện cho giao lưu hàng hóa giữa các vùng, xây dựng chợ hoặc trung tâm thương mại để có nơi trao đổi, mua bán hàng hóa.

Đối với những vùng kinh tế và thị trường phát triển nên tập trung phát triển dịch vụ và định hướng thị trường. Chủ động tạo môi trường vĩ mô và khuyến khích mọi thành phần, mọi nguồn lực tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là điều kiện tiên quyết.

Hai là, bảo vệ và cải thiện môi trường phải được coi là một yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với tài nguyên môi trường bởi Nhà nước có vai trò quyết định trong việc bảo vệ môi trường. Quản lý nhà nước cần có các quy tắc nhằm tăng cường hiệu lực quản lý và để cho quản lý môi trường cũng được kiểm soát như bất kỳ hoạt động nào khác trong quá trình phát triển. Sớm xây dựng thể chế và luật pháp về môi trường để không chỉ giúp cho quá trình nhất thể hóa giữa phát triển xã hội và môi trường, mà còn xác nhận khung pháp lý cũng như công cụ luật pháp cho việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển xã hội và môi trường.

Chủ động gắn kết yêu cầu cải thiện môi trường trong mỗi quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế- xã hội, coi yêu cầu về môi trường là một tiêu chí quan trọng đánh giá các giải

pháp phát triển. Đồng thời, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lực con người trong công tác quản lý nhà nước về môi trường- đây là nguồn lực của mọi nguồn lực.

Tiến hành xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, biến các chủ trương, chính sách, các bộ luật về bảo vệ môi trường thành nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mọi tầng lớp trong xã hội, từ nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý đến người dân. Từng bước nâng cao nhận thức, tạo điều kiện và hình thành ở mỗi người dân hành vi tích cực và khuyến khích họ chủ động xây dựng mối quan hệ có lợi cho môi trường... bởi suy cho cùng, vấn đề quan trọng nhất trong quản lý về tài nguyên và môi trường ở nước ta hiện nay là nhận thức của người dân về môi trường còn hạn chế.

Ba là, tạo cơ hội cho người dân được tham gia và hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế, Nhà nước phải thực hiện công bằng xã hội ở sự phân chia thu nhập và phúc lợi xã hội

Dựa trên nguyên tắc chia sẻ trách nhiệm và công bằng xã hội, an sinh xã hội là một trong những chỉ báo quan trọng của một xã hội phát triển và là một trong những chính sách xã hội cơ bản của quốc gia hướng vào việc bảo vệ, đảm bảo an toàn cho các thành viên trong xã hội trong các trường hợp do ảnh hưởng của phát triển không đều về kinh tế. Vì vậy, trong sự kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội thì công bằng xã hội là vấn đề cực kỳ phức tạp khó khăn. Sự kết hợp này phải được tính toán theo những điều kiện cụ thể của đất nước, chủ yếu là theo trình độ phát triển kinh tế, truyền thống đạo đức, văn hóa... Một trong những nút gở về mặt chính sách là cần sớm hoàn thiện chính sách an sinh xã hội- một chính sách có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc hạn chế tối đa tác động của phát triển không đều về kinh tế đến phát triển xã hội.

Tác động giảm nghèo của phát triển kinh tế được dự báo có thể sẽ thấp hơn so với thời gian qua. Một thử thách chính cho việc duy trì tốc độ giảm nghèo nhanh trên cơ sở tăng trưởng sẽ là làm thế nào để nâng cao chất lượng đầu tư nói riêng và hiệu quả nền kinh tế nói chung. Tác động giảm nghèo của tăng trưởng kinh tế phụ thuộc nhiều vào mức độ tham gia của người nghèo vào quá trình tăng trưởng. Bằng chứng cho thấy có khả năng cải thiện mức độ tham gia này, trước hết, có thể thông qua tạo việc làm cho người lao động. Vì thế, cần đẩy mạnh thực

hiện cải cách theo hướng thị trường, trong đó không chỉ đẩy mạnh cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước nhằm giúp phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, mà còn cần chú trọng đến phát triển khu vực kinh tế tư nhân, tạo cơ hội cho khu vực này phát triển. Xây dựng chính sách ưu đãi đặc thù nhằm thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng thời có chính sách bảo tồn, phát triển ngành nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nhà nước cần tạo cơ hội cho mọi người, mọi vùng, miền có thể tham gia và hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Thông qua điều tiết của Nhà nước để phân phối lại những kết quả hoạt động kinh tế theo hướng đảm bảo công bằng xã hội. Mặc dù không phải là duy nhất, song cần phải xác định rằng, công bằng trong phân phối là cốt lõi của công bằng xã hội. Tập trung đầu tư các nguồn lực cho phát triển kinh tế một cách phù hợp, tránh cục bộ, địa phương, nóng vội nhưng cũng không được phép dàn trải, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn lực để mọi người đều có cơ hội phát triển và từ đó có thêm những nguồn lực đầu tư cho phát triển xã hội, như cho lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội... đây là lĩnh vực đòi hỏi một mức độ công bằng xã hội rất lớn. Nếu đầu tư đúng thì nó sẽ là cơ sở cho việc đảm bảo trong dài hạn có thể đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế.

Thông qua điều tiết bởi các chính sách vĩ mô để thu hẹp khoảng cách chênh lệch quá lớn giữa các nhóm xã hội. Các chính sách xoá đói, giảm nghèo phải tạo động lực cho phát triển kinh tế. Đây chính là một nhân tố góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững về mặt xã hội trong quá trình phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường. Nhà nước phải chấp nhận sự phân hoá giàu nghèo, bảo vệ và khuyến khích người dân làm giàu một cách hợp pháp, mặt khác, đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo và kiểm chế sự phân hoá giàu nghèo không để gia tăng đến mức phân cực quá lớn. Tạo cơ sở thuận lợi cho những người làm giàu bằng con đường chính đáng, mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh. Ngăn chặn, loại trừ cách làm giàu và thu nhập bất hợp pháp, tạo nên sự công bằng trong đời sống xã hội. Tập trung vào việc tạo công ăn việc làm cho người lao động, xây dựng cơ sở hạ tầng cho các vùng chậm phát triển...

Tóm lại, Việt Nam đang trong thời điểm chuyển

đổi mang tính quyết định về định hướng phát triển đất nước, đòi hỏi hướng đến sự phát triển bền vững và hiệu quả cả về kinh tế- xã hội và môi trường. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển. Trong xã hội phát triển không thể triệt tiêu động lực của tăng trưởng kinh

tế, vấn đề đặt ra là cần có sự điều tiết của Nhà nước để mang lại sự hợp lý trong phân phối của cải và cơ hội phát triển cho mọi người. Theo đó, phát triển kinh tế về khía cạnh nào đó là để thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu đa dạng của con người, và cũng chính là góp phần quan trọng vào sự phát triển xã hội. □

Tài liệu tham khảo:

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Sinh Cúc, (2008), “*Phát triển khu công nghiệp vùng Đồng sông Hồng và vấn đề nông dân mất đất nông nghiệp*”.
- từ <http://ww.bmktcn.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1613&Itemid=217>.
- Bùi Tất Thắng [chủ biên] (2010), *Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam (thời kỳ 2011-2020)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Bình Giang [chủ biên] (2012), *Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Hà Huy Thành và Lê Cao Đoàn (đồng chủ biên, 2011), *Vấn đề môi trường trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội theo hướng bền vững ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Phạm Thị Ngọc Trâm [chủ biên] (2006), *Quản lý Nhà nước đối với tài nguyên và môi trường vì sự phát triển bền vững dưới góc nhìn xã hội - nhân văn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

The impact of economic development on social development in Vietnam

Abstract:

After more than 25 years of the renovation, Vietnam has obtained significant achievements in socio-economic fields. However, the uneven economic development has strongly affected the process of social development and the management of social development. On the basis of overall assessment of uneven economic development situation and its impacts on the social development as well as practical experiences from some countries, this paper proposes a number of solutions to the uneven economic development in the process of economic integration and sustainable development in Vietnam.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Xuân Dũng**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Nhà Xuất bản Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Tiến trình cải cách và hội nhập kinh tế của Việt Nam...
- Một số Tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế; Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới.

** **Hà Thị Việt Châu**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Công ty TNHH MTV In và Văn hóa phẩm thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao - Du lịch
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán, kiểm toán...
- Một số Tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới,...